

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Lê Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Tuyết H, sinh năm 1975; cư trú tại: tổ 2, ấp 3, xã T, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm 1970; cư trú tại: tổ 2, ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Tuyết H trình bày:

Về hôn nhân: chị H đăng ký kết hôn với anh Huỳnh Văn Q tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 11 tháng 7 năm 2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2001). Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau và không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Chị H và anh Q đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Chị H nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh Q nên chị H yêu cầu ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Minh T, sinh năm 1994 và Huỳnh Minh T1, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2010, các con chung đang ở với chị H.

Huỳnh Minh T đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H yêu cầu được nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị H không yêu cầu tranh chấp.

Bị đơn Huỳnh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Q.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 15 tháng 01 năm 2018, Tòa án triệu tập hợp lệ anh Q lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25 tháng 01 năm 2018, anh Q vắng mặt không lý do; ngày 26 tháng 01 năm 2018, Tòa án triệu tập hợp lệ anh Q lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 07 tháng 02 năm 2018, anh Q cũng vắng mặt không lý do. Do anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị H và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không còn tin tưởng nhau. Chị H và anh Q đã không sống chung từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Theo Biên bản xác minh ngày 20 tháng 11 năm 2017 do Tòa án lập (bút lục số 26), tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q phù hợp với lời trình bày của chị H tại Tòa. Chị H và anh Q là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2016 đến nay là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, chị H không muốn tiếp tục chung sống với anh Q nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, quyết định cho chị H và anh Q ly hôn.

Về nuôi con chung: con chung tên Huỳnh Minh T đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Huỳnh Minh T1 và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu này của chị H là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của cháu T1; căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia

đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Q có trách nhiệm giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: chị H không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tuyết H.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phan Thị Tuyết H và anh Huỳnh Văn Q.

- Về nuôi con chung:

Con chung tên Huỳnh Minh T, sinh năm 1994 đã thành niên, chị Phan Thị Tuyết H không yêu cầu giải quyết.

Anh Huỳnh Văn Q có trách nhiệm giao con chung tên Huỳnh Minh T1, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2010 cho chị Phan Thị Tuyết H trực tiếp nuôi, chị Phan Thị Tuyết H không yêu cầu anh Huỳnh Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản, nợ chung: chị Phan Thị Tuyết H không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: chị Phan Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002708 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Phan Thị Tuyết H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện B;
- UBND xã X, H. L, T. Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên